

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	<p>Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.</p> <p>Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)(<i>Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022</i>);</p>
2	<p>Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;</p>
3	<p>Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;</p>
4	<p>Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;</p>
5	<p>Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p>
6	<p>Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).</p> <p>- File scan bản chính của các giấy tờ sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp); Giấy Chứng chỉ hoạt động xây dựng của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng, trong đó có thể hiện phạm vi hoạt động xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và tất cả công việc phù hợp với gói thầu này Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.</p>

*Handwritten signature and initials*

## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	<b>Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu</b> (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		
1.1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCKTKT/BCNCKT/TKBVTC-DT xây dựng công trình/hoặc khảo sát, lập BCKTKT xây dựng công trình công trình có cấp điện ngầm $\geq 15kV$ (trường hợp qui mô công trình có cấp ngầm) hoặc công trình lưới điện trung thế hoặc trạm biến thế hoặc lưới hạ thế hoặc hỗn hợp một số trường hợp trên (trường hợp qui mô công trình không có cấp ngầm) thuộc dự án nhóm C trở lên đã thực hiện với tư cách nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ được thừa nhận bởi chủ đầu tư thông qua hợp đồng, đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng hợp đồng và quyết định phê duyệt và biên bản nghiệm thu hoàn thành đính kèm); đã được nghiệm thu trong vòng 03	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có từ 12 hợp đồng trở lên đáp ứng yêu cầu: 10 điểm</li> <li>- Có từ 07 đến 12 hợp đồng trở lên đáp ứng yêu cầu: 8,5 điểm</li> <li>- Có từ 02 đến 06 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: 7 điểm</li> <li>- Có 01 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: 5,5 điểm</li> <li>- Không có hợp đồng: 0 điểm</li> </ul>	

	năm đến thời điểm đóng thầu				
2	<b>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</b> (5% tổng số điểm)	5			
2.1	<p>2.1.1 Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu quy định tại Điều 17 và 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, không nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó: không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ, chất lượng, an toàn và vệ sinh môi trường hoặc bỏ dỡ do lỗi của nhà thầu hoặc bị chủ đầu tư nhắc nhở bằng văn bản từ 3 lần trở lên; thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu;</p> <p>2.1.2 Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự tại các dự án của đơn vị / EVN quản lý (về tính chất công việc như: tư vấn khảo sát, thiết kế; tư vấn thẩm tra, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm toán; xây lắp; cung cấp VTTB;... ) trong thời gian 01 năm gần nhất với thời điểm bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; và theo Quyết định đánh giá chất lượng kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Tổng công ty điện lực phê duyệt gần nhất với thời điểm bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu.</p>	5	+ 2.1.1 Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); hoặc Đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, từ chối hợp quy định tại khoản 8 Điều 43 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP; hoặc Được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ		

3  


			<p>chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng; hoặc Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng: 0 điểm</p> <p>+ 2.1.2 Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có một hợp đồng tương tự bị bỏ dở hoặc buộc phải chấm dứt do lỗi của nhà thầu hoặc bị vi phạm (chất lượng, tiến độ...) và bị xử phạt từ 3 lần trở lên cùng 01 lỗi vi phạm hoặc có từ 3 hợp đồng tương tự trở lên bị chủ đầu tư xử phạt cùng 01 lỗi vi phạm hoặc nhà thầu bị phạt hợp đồng với tổng số lần bị phạt là 3 lần hoặc Mỗi một (01) hợp đồng tương tự mà nhà thầu (nhà thầu độc lập</p>
--	--	--	---

		<p>hoặc thành viên liên danh nhà thầu) bị đánh giá là không đạt hoặc có từ 2 hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo: 0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có 02 biên bản bị xử phạt: 3,5 điểm</li> <li>- Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có 01 biên bản xử phạt: 4 điểm</li> <li>- Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) được chấm điểm tối đa nếu không có hợp đồng tương tự nào trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc “Cảnh cáo” hoặc không có biên bản xử phạt: 5 điểm</li> <li>- Mỗi một (01) hợp đồng tương tự mà nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) bị đánh giá là cảnh báo thì</li> </ul>
--	--	---

nh 5

				nhà thầu sẽ bị trừ 2,5 điểm	
3	<b>Giải pháp và phương pháp luận</b> (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30			21
3.1	<p>Hiểu rõ mục đích gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Am hiểu chung về phạm vi, qui mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu.</li> <li>- Đề xuất kỹ thuật có nêu các nội dung phù hợp với phạm vi, qui mô của gói thầu</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nêu đầy đủ, phù hợp: 5 điểm</li> <li>- Có nêu nhưng chưa cụ thể 3,5 điểm</li> <li>- Không nêu hoặc nêu không phù hợp: 0 điểm</li> </ul>		3,5
3.2	<p>Giải pháp:</p> <p>Đề cương chi tiết lập BCNCKT, TKBVTC-TDT hoặc BCKTKT với thành phần, biên chế, trình tự đầy đủ và phù hợp theo quy định (Theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023, Luật xây dựng và Điều khoản tham chiếu của HSMT này. Lưu ý, phải đầy đủ thành phần BCKTKT/BCNCKT, TKBVTC-TDT, thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật, các bảng biểu, các phụ lục tính toán,...);</p> <p>Đề xuất kỹ thuật có nêu đề cương với nội dung, trình tự đầy đủ và phù hợp theo quy định (Theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, Luật xây dựng và Điều khoản tham chiếu của HSMT này).</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nêu đầy đủ, phù hợp, Có trình bày đáp ứng yêu cầu: 5 điểm</li> <li>- Có nêu nhưng còn chưa cụ thể, chưa đầy đủ: 3,5 điểm</li> <li>- Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp: 0 điểm</li> </ul>		3,5
3.3	<p>Cách tiếp cận và Phương pháp luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nêu đầy đủ, phù hợp: 5 điểm</li> </ul>		3,5

	<p>việc qui định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic, đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ.</li> <li>- Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là các công tác phối hợp và thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị liên quan).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nêu nhưng chưa đầy đủ, chưa cụ thể: 3,5 điểm</li> <li>- Không nêu hoặc nêu không phù hợp: 0 điểm</li> </ul>	
3.4	<p>Kế hoạch triển khai</p> <p>Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án (Khảo sát, dò tìm công trình ngầm (nếu có), xác định và thỏa thuận tuyến, vị trí trồng trụ, vị trí lắp đặt thiết bị, lập báo cáo kết quả khảo sát, lập BCNCKT, TKBVTC-TDT hoặc khảo sát, lập BCKTKT,...). Mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng; Có xây dựng kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất phù hợp và đầy đủ: 5 điểm</li> <li>- Có đề xuất phù hợp nhưng chưa đầy đủ, còn thiếu sót: 3,5 điểm</li> <li>- Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: 0 điểm</li> </ul>	3,5
3.5	<p>Bố trí nhân lực thực hiện gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bảng phân công nhân lực thực hiện các nhiệm vụ của gói thầu</li> <li>- Thời điểm và thời gian huy động nhân lực phù hợp với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của gói thầu</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất phù hợp và đầy đủ: 5 điểm</li> <li>- Có đề xuất phù hợp nhưng chưa đầy đủ, còn thiếu sót: 3,5 điểm</li> <li>- Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: 0</li> </ul>	3,5

*Handwritten signature and initials in blue ink.*

				điểm	
3.6	Các yếu tố khác: - Có bảng liệt kê các trang thiết bị, phần mềm phục vụ thực hiện công tác:	5		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất phù hợp và đầy đủ: 5 điểm</li> <li>- Có đề xuất phù hợp nhưng chưa đầy đủ, còn thiếu sót: 3,5 điểm</li> <li>- Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: 0 điểm</li> </ul>	3,5
4	<b>Nhân sự chủ chốt</b> (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)	55			38,5
	<b>Vị trí</b>		<b>Số lượng</b>		
4.1	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	19	1		
4.1.1	Có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực gói thầu và có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng III trở lên (Chứng chỉ hành nghề phải còn hiệu lực để thực hiện gói thầu).	10		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề khảo sát hạng I: 10 điểm</li> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề khảo sát hạng II: 9 điểm</li> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề khảo sát hạng III: 8 điểm</li> </ul>	7

4.1.2	<p>Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng công trình điện trung thế hoặc trạm biến thế hoặc lưới hạ thế hoặc hỗn hợp một số trường hợp trên đã được nghiệm thu kể từ năm 2022 đến nay</p> <p>Tài liệu chứng minh, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc hợp đồng tư vấn;</li> <li>- VÀ Biên bản nghiệm thu đính kèm.</li> </ul> <p>Lưu ý: các hợp đồng phải có tên nhân sự thì mới chứng minh được năng lực kinh nghiệm thực hiện của nhân sự. Nếu như hợp đồng không có tên nhân sự tham gia, thì phải chứng minh bằng văn bản bản thay thế hoặc bổ sung nhân sự đó được xác nhận của chủ đầu tư</p>	9	<p>sát hạng III: 7 điểm</p> <p>-Không đáp ứng: 0 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có từ 06 hợp đồng/công trình trở lên có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 9 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 05 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 8,5 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 04 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 8 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 03 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 7,5 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 02 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm</p>	6,3
-------	--	---	---	-----

rk  
9  
nh

				thu: 7 điểm - Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 1 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 6,3 điểm -Không đáp ứng: 0 điểm	
4.2	Chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình	1	18		
4.2.1	Có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực gói thầu và có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận (Chứng chỉ hành nghề phải còn hiệu lực để thực hiện gói thầu).		10	Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế xây dựng hạng I: 10 điểm - Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế xây dựng hạng II: 9 điểm - Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp. Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế xây dựng hạng III: 7 điểm -Không đáp ứng: 0 điểm	7
4.2.2	Đã làm Chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng công trình điện trung thế hoặc trạm biến thế hoặc lưới hạ thế		8		5,6

	<p>hoặc hỗn hợp một số trường hợp trên đã được nghiệm thu kể từ năm 2022 đến nay</p> <p>Tài liệu chứng minh, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc hợp đồng tư vấn;</li> <li>- Và Biên bản nghiệm thu đính kèm.</li> </ul> <p>Lưu ý: các hợp đồng phải có tên nhân sự thì mới chứng minh được năng lực kinh nghiệm thực hiện của nhân sự. Nếu như hợp đồng không có tên nhân sự tham gia, thì phải chứng minh bằng văn bản thay thế hoặc bổ sung nhân sự đó được xác nhận của chủ đầu tư</p>		<p>đồng/công trình trở lên có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 8 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 05 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 7,5 điểm</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 04 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 7 điểm</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 03 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 6,5 điểm</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 02 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 6 điểm</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 1 hợp đồng/công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm</li> </ul>
--	---	--	--

11

*(Handwritten signatures and initials)*

					thu: 5,6 điểm -Không đáp ứng: 0 điểm	
4.3	Người lập tổng dự toán	1	18			
4.3.1	Có chứng chỉ kỹ sư định giá hạng xây dựng hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận (Chứng chỉ hành nghề phải còn hiệu lực để thực hiện gói thầu)		10		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp.</li> <li>Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá hạng xây dựng hạng I: 10 điểm</li> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp.</li> <li>Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá hạng hạng II: 9 điểm</li> <li>- Có bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ phù hợp.</li> <li>Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá hạng xây dựng hạng III: 7 điểm</li> <li>-Không đáp ứng: 0 điểm</li> </ul>	7
4.3.2	Đã thực hiện việc lập tổng dự toán/ tổng mức đầu tư công trình công trình cấp điện ngầm $\geq 15kV$ (trường hợp qui mô công trình có cấp ngầm) hoặc công trình lưới điện trung thế hoặc trạm biến thế hoặc lưới hạ thế hoặc hỗn hợp một số trường hợp trên (trường hợp qui mô công trình không có cấp ngầm) thuộc dự án nhóm C trở lên đã được nghiệm thu kể từ năm 2022 đến nay Tài liệu chứng minh, bao gồm:		8		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có từ 06 hợp đồng/công trình trở lên có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 8 điểm</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 05 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 7,5</li> </ul>	5,6

	<p>- Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc hợp đồng tư vấn;</p> <p>- Và Biên bản nghiệm thu đính kèm.</p> <p>Lưu ý: các hợp đồng phải có tên nhân sự thì mới chứng minh được năng lực kinh nghiệm thực hiện của nhân sự. Nếu như hợp đồng không có tên nhân sự tham gia, thì phải chứng minh bằng văn bản thay thế hoặc bổ sung nhân sự đó được xác nhận của chủ đầu tư</p>		<p>điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 04 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 7 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 03 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 6,5 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 02 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 6 điểm</p> <p>- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có 1 hợp đồng/ công trình có tính chất tương tự đã được nghiệm thu: 5,6 điểm</p> <p>-Không đáp ứng: 0 điểm</p>	
5	<b>Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có)</b> (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)			
5.1	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ			
	<b>Tổng cộng (100%)</b>	<b>100</b>		<b>70</b>

Ghi chú

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá. Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) *Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm.*

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) là 100%.

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù).

E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;  
+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;  
+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+  $G_{\text{thấp nhất}}$ : Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

+  $G_{\text{đang xét}}$ : Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét.

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;  $K (\%) = 75$

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;  $G (\%) = 25$

+  $K + G = 100\%$ ;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

